

LUẬN ĐẠI THỪA TRẠNG NGHIÊM KINH

QUYỂN 7

Phẩm Thứ 15: GIÁO THỌ

Giải thích: Đã nói Bồ-tát thuận theo tu tập, kể là nói sự dạy trao của Như lai. Kệ rằng:

*Tu hết một Tăng-kỳ,
Khiến lòng tin thêm lớn,
Các lành theo tín, nhóm
Cũng đủ như biển đầy.*

Giải thích: Tu hết một Tăng-kỳ kiếp, khiến lòng tin thêm lớn là nếu công hạnh Bồ-tát được thực hiện cùng một A-tăng-kỳ kiếp, thì lòng đã được nuôi lớn lâu dài ấy mới lên được thượng phẩm.

Hỏi: Chỉ riêng lòng tin được thêm lớn không thôi chứ?

Đáp: Các điều lành tùy thuộc ở lòng tin gom chứa về cũng như biển cả tràn đầy, nghĩa là khi lòng tin tăng lên thì các điều lành cũng nhóm về theo lòng tin, chúng như biển cả tràn đầy, nước lắng trong tròn đầy. Kệ rằng:

*Nhóm họp phước đức rồi,
Phật tử tối sơ tịnh,
Cực trí và nhuyến tâm,
Siêng tu các chánh hạnh.*

Giải thích: Nhóm họp phước đức rồi, nghĩa nhóm họp thì như trước đã nói.

Phật tử tối sơ được thanh tịnh là do thanh tịnh được che chở và đối với pháp Đại thừa, đạt tri kiến ngay thẳng, do tiếp nhận ý nghĩa không bị điên đảo.

Cực trí là do học rộng mà có.

Nhuyến tâm là do lìa khỏi các thứ ngăn che.

Siêng tu các hạnh chân chính là do có công năng gánh vác.

Kệ rằng:

*Từ sau nhờ Chư Phật,
Mà dạy trao dòng pháp,
Trí vắng lặng thêm lớn,
Tu tiến pháp Đại thừa.*

Giải thích: Từ sau nhờ Chư Phật, mà dạy trao dòng pháp, nghĩa là các vị Bồ-tát từ đây về sau, nhờ ơn Chư Phật đã đem giáo pháp Tu-đa-la giảng nói cho họ, như nói kinh Thập Địa.

Trí vắng lặng thêm lớn, tu tiến giáo pháp Đại thừa là nếu Bồ-tát này được dạy trao giáo pháp thì trí Xa-ma-tha ngày càng tăng trưởng. Nhờ thế, có công năng tu khéo pháp Đại thừa rộng lớn. Sau khi được trao truyền rồi, kể là Bồ-tát khởi dạy sáu thứ tâm. Kệ rằng:

*Tưởng danh và hiểu câu,
Nghĩ nghĩa cũng rõ nghĩa,
Hiểu pháp chung, tìm nghĩa,
Thứ lớp sinh sáu tâm.*

Giải thích: Sáu thứ tâm là:

1. Tâm căn bản.
2. Tâm tùy hành.
3. Tâm quán sát.
4. Tâm hiểu tới chỗ thật.
5. Tâm gom nhóm về.
6. Tâm hi vọng.

Tưởng danh là tâm căn bản. Trước hết đối với pháp Tu-đa-la, v.v... quán xét hai nghĩa có và không, chỉ tưởng danh nhóm họp.

Hiểu rõ câu là tâm tùy hành, kể là theo các câu mà quyết chắc sự khác nhau và do theo thứ lớp.

Suy nghĩ ý nghĩa, là tâm quán xét, kể là suy nghĩ chân chính về ý nghĩa bên trong kia. Biết rõ nghĩa là tâm hiểu chung về tâm, rồi lại quán xét chung về nhóm pháp đã có, tìm nghĩa riêng là tâm hi vọng do nghĩa cốt yếu kia tìm được vừa ý.

Như vậy, phát sinh sáu thứ tâm rồi, kể là phát sinh mười một thứ tác ý. Kệ rằng:

*Có câu cũng có quán,
Một ý vị ngừng ở đạo,
Quán đạo và cả hai,
Bỏ hôn trầm, tán loạn,
Chánh trụ, không gián đoạn,
Trong đó cũng tôn trọng,*

*Để tâm tất cả duyên,
Có mười một tác ý.*

Giải thích: Mười một thứ tác ý là:

1. Tác ý có giác, có quán.
2. Tác ý không giác, có quán.
3. Tác ý không giác, không quán.
4. Tác ý Xa-ma-tha.
5. Tác ý Tỳ-bát-xá-na.
6. Tác ý hai thứ tương ứng nhau.
7. Tác ý khởi tướng.
8. Tác ý nhiếp tướng.
9. Tác ý xả tướng.
10. Tác ý thường tu tập.
11. Tác ý cung kính.

Có tìm kiếm là tác ý có giác, có quán. Tác ý này dùng ý nghĩ và lời nói nối nhau mà quán xét các pháp.

Có quán, nghĩa là tác ý không giác, có quán. Tác ý này dù lìa giác nhưng vẫn dùng ý nghĩ, lời nói nối nhau mà quán xét các pháp.

Một ý vị là tác ý không giác, không quán. Tác ý này lìa ý nghĩ và lời nói nối nhau mà quán xét các pháp.

Chỉ đạo là tác ý Xa-ma-tha. Tác ý này chỉ duyên vào tên gọi các pháp.

Quán đạo là tác ý Tỳ-bát-xá-na. Tác ý này chỉ duyên vào nghĩa các pháp.

Cả hai là tác ý hai thứ tương ứng. Tác ý này có thể bám vào tên và ý nghĩa cùng lúc.

Dứt bỏ hôn trầm là tác ý khởi tướng. Nếu tác ý này duyên theo tên gọi thì tâm chìm xuống, phải đánh thức nó dậy.

Đề bẹp tán loạn là tác ý nhiếp tướng, nếu tác ý này duyên vào nghĩa thì tâm tán loạn, liền có thể thu nhiếp.

Chánh trụ là tác ý tướng xả, tác ý này nếu tâm bình đẳng thì có thể trụ ở tâm xả.

Vô gián là tác ý hằng tu tập. Tác ý này có thể nương vào chánh trụ mà tu tập không bỏ phế.

Tôn trọng là tác ý cung kính, có công năng khi tu tập thì tôn trọng danh, nghĩa.

Mười một thứ tác ý như vậy được nói rồi, lại còn phải tu tập chín thứ trụ tâm. Kệ rằng:

*Cột duyên mau gom giữ,
 Nội lược và lạc trụ,
 Điều chán và dứt loạn,
 Hoặc khởi diệt, cũng vậy.
 Các việc làm, tự tại.
 Bấy giờ, được vô tác,
 Bồ-tát còn tu tập,
 Chín trụ tâm như thế.*

Giải thích: Chín thứ trụ tâm là:

1. Tâm an trụ.
2. Tâm nhiếp trụ.
3. Tâm giải trụ.
4. Tâm chuyển trụ.
5. Tâm phục trụ.
6. Tâm tức trụ.
7. Tâm diệt trụ.
8. Tâm tính trụ.
9. Tâm trì trụ.

Chín thứ trụ này là phương tiện để dạy trao, nên biết.

Cột duyên là tâm an trụ. An âm vào sở duyên, không để lìa.

Mau nhiếp giữ là nhiếp trụ tâm. Nếu tâm giác rối loạn thì hãy mau xếp vào giữ chặt.

Nội lược là tâm giải trụ. Giác tâm bên ngoài thì rộng mà bên trong thì lược.

Lạc trụ là tâm chuyển trụ, do công đức thấy định mà chuyển vào lạc trụ.

Bể gãy tâm nhằm chán là tâm phục trú là nếu tâm không ưa thích thì phải bể gãy nó.

Dứt loạn là tâm dừng trụ, khi thấy loạn sai lầm thì phải chấm dứt ngay.

Mê lầm khởi lên, liền diệt, cũng như vậy là tâm diệt trụ, như ý nghĩ lo buồn, tham vừa nổi lên thì liền diệt ngay.

Tâm trụ thì các việc làm nhậm vận tự tại là tâm tính trụ, các việc làm nhậm vận mà thành tự tính.

Bấy giờ chứng vô tác là tâm trì trụ vì không nhờ tác ý mà được tổng trì.

Như vậy, tu tập được tâm trụ rồi. Kế là khiến tâm này được mềm mỏng tối thượng. Kệ rằng:

*Nương dưới, tu tiến lên,
Siêng tu định căn bản,
Do thông suốt tịnh, thiền,
Sẽ thành tâm mềm mỏng.*

Giải thích: Nương vào phẩm dưới, tu tập tiến lên, siêng tu định căn bản, nghĩa là khi Bồ-tát được trụ tâm, nên biết là đã được thân phẩm hạ. Nương tâm là tâm tăng tiến lên, do tinh tấn tăng thêm nên tâm này còn tu tập thiền định căn bản.

Hỏi: Tu thêm định căn bản thì được công đức gì?

Đáp: Do thông suốt thiền, tịnh nên sẽ trở thành tâm mềm mỏng vượt trội. Do muốn thành tựu tâm mềm mỏng hơn hết nên các Bồ-tát phát khởi được nhiều thần thông, nên Bồ-tát tiến tu định căn bản.

Hỏi: Khởi hiện thần thông là Bồ-tát định làm gì? Và làm sao thành tựu được tâm mềm mỏng kia. Kệ rằng:

*Hiện thông đạo các cõi,
Thờ phụng các Thế Tôn,
Được tâm mềm mỏng nhất,
Do cúng dường các Phật.*

Giải thích: Hiện thần thông đạo các cõi, phụng thờ các Thế Tôn là các vị Bồ-tát muốn đi hết vô lượng thế giới, muốn trải qua vô lượng số kiếp, muốn trải qua vô lượng Chư Phật, muốn vâng giữ cúng dường và được nghe chánh pháp. Do các việc ấy, nên hiện khởi các thần thông.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát làm những việc ấy?

Đáp: Do nhờ tâm mềm mỏng tối thượng nên mới được cúng dường Chư Phật. Vì nhân cúng dường Chư Phật mà lại được thành tựu tâm mềm mỏng cao thượng bậc nhất.

Được tâm cao quý như thế rồi, là phải được Chư Phật khen ngợi.

Kệ rằng:

*Khi chưa nhập tâm định,
Được năm thứ khen ngợi,
Khí thể thành thanh tịnh,
Lên được thừa Vô thượng.*

Giải thích: Khi chưa ngộ nhập tâm định, được năm thứ khen ngợi là Bồ-tát này đối với tâm thanh tịnh ở địa trước, thì trước đã được Như lai khen ngợi, bằng năm thứ công đức kia.

Hỏi: Lời khen ngợi ấy đối với Bồ-tát có lợi ích gì?

Đáp: Do khí thể đã thành thanh tịnh, đủ năng lực, tiến lên được thừa Vô thượng. Bồ-tát này, sau khi được Như lai khen ngợi rồi liền

thành tựu khí thể thanh tịnh, có khả năng tiến lên thừa Vô thượng.

Hỏi: Như lai đã dùng năm công đức để khen ngợi Bồ-tát, vậy năm công đức ấy là gì? Kệ rằng:

*Niệm niệm tiêu tập khí,
Thân nhẹ, tâm nhẹ nhàng,
Tròn sáng và thấy tướng,
Các pháp thân sạch đầy.*

Giải thích: Năm công đức là:

1. Tiêu tan tập khí.
2. Thân nhẹ nhàng.
3. Tâm nhẹ nhàng.
4. Tròn sáng.
5. Thấy tướng.

Tiêu tan tập khí nghĩa là tất cả nhóm tập khí đều tan biến theo từng giây phút trôi qua.

Thân nhẹ nhàng là trong thời gian tu tập, thân cảm thấy nhẹ nhàng. Tâm cũng cảm thấy như vậy.

Tròn sáng đầy là hiểu trọn vẹn tất cả các thứ Không, lia phân số.

Thấy tướng là thấy tướng vô phân biệt là nhân cho sự thanh tịnh về sau.

Các pháp thân sạch đầy là tất cả pháp thân đều rần đầy, đều thanh tịnh, vì thường thực hiện năm nhân ấy.

Hỏi: Lúc nào tròn đầy, lúc nào thanh tịnh?

Đáp: Lúc thập địa tròn đầy, khi cõi Phật thanh tịnh.

Nên biết, trong năm công đức ấy, ba công đức trước thuộc về phạm vi của Xa-ma-tha (chỉ) hai công đức sau là thuộc phạm vi của Tì-bát-xá-na (quán). Trong suốt thời gian này, Bồ-tát đều biết đầy đủ các pháp ở thế gian.

Bồ-tát được khen ngợi như vậy, rồi. Kế nêu lên thông đạt phần gốc lành. Kệ rằng:

*Lúc ấy, Bồ-tát này,
Thứ lớp được định tâm,
Vì chỉ thấy ý, nói,
Không thấy tất cả nghĩa.*

Giải thích: Bồ-tát lúc đầu, này tâm định, lia khỏi ý nghĩ, lời nói, không thấy tướng tự và tướng chung của tất cả nghĩa, mà chỉ thấy ý nghĩ và lời nói. Tri kiến này là Bồ-tát đã tới giai vị Noãn. Giai vị này gọi là Minh. Như trong kinh Khôi Hà, Phật có nói rõ là thứ sáng suốt này, gọi

là thấy pháp nhãn. Kệ rằng:

*Do pháp sáng thêm lớn,
Khởi tinh tấn vững chắc,
Khi pháp thêm sáng rồi,
Thông đạt chỉ tâm trụ.*

Giải thích: Trong đây, pháp sáng thêm lớn nên phát khởi tinh tấn vững chắc. An trụ trong pháp sáng này, thông đạt chỉ có tâm. Sự thông đạt này chính là trụ vào giai vị Đảnh của Bồ-tát. Kệ rằng:

*Các nghĩa đều là sáng,
Vì chỉ là duy tâm,
Đứt được các chấp loạn,
Đó là trụ ngôi Nhẫn.*

Giải thích: Bồ-tát trong giai đoạn này, nếu thấy các nghĩa đều là tâm sáng, ngoài tâm sáng ấy, không có thấy cái nào khác riêng. Bấy giờ, các loạn chấp trước đều bị dập tắt. Tri kiến này tức là ngôi Nhẫn của Bồ-tát. Kệ rằng:

*Loạn bị chấp dù dứt,
Nhưng vẫn còn năng chấp,
Cắt đứt nó mau chóng,
Không hở Tam-ma-đề.*

Giải thích: Trong phần này, do cắt đứt năng chấp loạn động, nên Bồ-tát mau chứng ngộ Tam-ma-đề không xen hở.

Hỏi: Tam-ma-đề không xen hở này có ý nghĩa gì?

Đáp: Khi chủ thể chấp trước loạn động bị dập tắt thì nhập vào không xen hở, cho nên có tên gọi đó. Nhập vào Tam-ma-đề vô gián này tức là Bồ-tát đã được ngôi pháp thứ nhất trên đời (Thế đệ nhất vị).

Theo thứ lớp, đã nói về các giai vị như Noãn, v.v... Kế là, nói về phát khởi kiến đạo. Kệ rằng:

*Lìa khỏi hai chấp, kia
Xuất thế gian Vô thượng,
Vô phân biệt lìa nhớ,
Lúc ấy, được trí này.*

Giải thích: Xa lìa khỏi hai chấp là năng chấp và sở chấp không còn hòa hợp nữa.

Xuất thế gian Vô thượng là được thừa Vô thượng.

Vô phân biệt là năng chấp và sở chấp không còn nữa.

Xua tan nhớ bần là vì giai vị Kiến đạo đã dập tắt hết phiền não. Bấy giờ, Bồ-tát được gọi là đặc pháp nhãn thanh tịnh lìa các trần cấu.

Kệ rằng:

*Đây tức là chuyển y,
Do đã chứng Sơ địa,
Sau, trải vô lượng kiếp,
Y tịnh mới tròn đầy.*

Giải thích: Đây là chuyển y vì chứng Sơ địa. Sự lìa cấu này tức là vị chuyển y của Bồ-tát. Vì sao? Vì đã chứng Sơ địa.

Hỏi: Phải chuyển y hoàn toàn thanh tịnh?

Đáp: Phải trải qua vô lượng kiếp sau này, thì chuyển y thanh tịnh mới được tròn đầy. Chứ không phải ở ngay Sơ địa này mà được thanh tịnh cùng cực. Vì phải trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, chừng ấy, chuyển y này mới được thanh tịnh tròn đầy. Kệ rằng:

*Lúc ấy thông pháp giới,
Tâm tự tha bình đẳng,
Có năm thứ bình đẳng,
Năm thứ không khác nhau.*

Giải thích: Bấy giờ sẽ thông đạt cả pháp giới và ta, người, tâm đều bình đẳng là Sơ địa, Bồ-tát đã được thông đạt pháp giới bình đẳng. Từ sự thông đạt này, Bồ-tát có thể quán xét thân kẻ khác chính là thân mình, nên được tâm bình đẳng.

Hỏi: Lúc ấy, Bồ-tát được mấy thứ tâm bình đẳng?

Đáp: Có năm thứ tâm bình đẳng do có năm thứ chẳng khác nhau, năm tâm bình đẳng là:

1. Do vô ngã nên bình đẳng, nghĩa là giữa ta và người nối tiếp nhau không hề thấy có ngã trong ấy, không còn khác nhau.
2. Do khổ như nhau nên bình đẳng, nghĩa là giữa ta và người nối tiếp nhau có tất cả khổ, do không khác nhau.
3. Các việc làm bình đẳng, nghĩa là giữa ta và người nối tiếp nhau cùng làm việc dứt khổ, không còn khác nhau.
4. Do không mong cầu nên bình đẳng: nghĩa là giữa ta và người mà các việc làm đều không mong báo đáp, không có khác nhau.
5. Do cùng chứng đắc nên bình đẳng, nghĩa là các Bồ-tát khác đã chứng được thì ta cũng được như vậy, không còn khác nhau.

Kệ rằng:

*Các hành luống phân biệt,
Trí tịnh không có hai,
Giải thoát kiến mà diệt,
Nói kiến đạo như vậy.*

Giải thích: Các hành luống phân biệt, trí thanh tịnh biết không hai là trong đây, đối với các hành trong ba cõi, Bồ-tát chỉ thấy phân biệt không chân thật. Lấy trí thanh tịnh cùng cực mà thấy không có hai kia.

Trí thanh tịnh là vì xuất thế gian.

Không có hai là do hai thứ chấp đều không có. Chúng không có hai thể tức là pháp giới.

Tiêu diệt phiền não do kiến đạo và giải thoát, kiến đạo là vậy nghĩa là giai vị kiến đạo giải thoát đã dập tắt hết phiền não. Pháp giới tức là giải thoát. Nếu khi dứt trừ phiền não, thấy được giải thoát thì gọi là Bồ-tát mới được kiến đạo. Kệ rằng:

*Vô thể và tự thể,
Tự tính hợp ba không,
Ba không, giải thoát này,
Đây gọi là giải không.*

Giải thích: Ba không là:

1. Vô thể không: là tính phân biệt, vì tướng nó là vô thể.
2. Tự thể không, là tính y tha, vì tướng y tha này, như phân biệt, là vô thể.
3. Tự tính không, nghĩa là tính chân thật, do tự thể là tự thể Không.

Bài kệ này, nói về Bồ-tát chứng được môn không giải thoát. Kệ rằng:

*Nên biết duyên vô tướng,
Đều hết các phân biệt,
Trong đây, duyên vô nguyện,
Phân biệt bất chân hết.*

Giải thích: Nửa trên bài kệ này nói về sự chứng đắc môn giải thoát vô tướng.

Nửa dưới bài kệ này nói về chứng đắc môn giải thoát vô nguyện. Nên biết, trong ấy, Bồ-tát đã có đủ ba cửa giải thoát. Kệ rằng:

*Pháp chứng đắc lúc ấy,
Tất cả Bồ-đề phân.
Nên biết Bồ-tát kia,
Cùng chứng như kiến đạo.*

Giải thích: Tất cả Bồ-đề phân là bốn niệm xứ khi chứng kiến đạo, Bồ-tát kia cũng được pháp này. Kệ rằng:

*Giác thế gian chỉ hành,
Vô ngã, chỉ kẹt khổ,
Vô nghĩa, tự ngã diệt,
Nghĩa lớn nương ngã lớn.*

Giải thích: Giác ngộ thấy thế gian chỉ có hành, vô ngã, chỉ kẹt vào khổ là Bồ-tát này biết rõ các việc trên đời này chỉ là các hành, thật sự không có ngã. Do chấp mắc nên chúng sinh mắc vào khổ.

Vô nghĩa, tự ngã diệt là diệt thân kiến như bản.

Nghĩa lớn là vì làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Ngã lớn là coi thân của tất cả chúng sinh là thân mình. Trong việc này, Bồ-tát đã chấm dứt kiến chấp về tự ngã.

Nướng vào chấp đại ngã mà làm tất cả lợi ích cho chúng sinh thì đó gọi là Đại nghĩa nương vào ngã lớn. Kệ rằng:

*Vô ngã lại thấy ngã,
Không khổ cùng cực khổ,
Ích họ không cầu báo,
Do lợi ích tự ngã.*

Giải thích: Trong đây, nói vô ngã của Bồ-tát nghĩa là không có bản thân, không có nghĩa, không thấy ngã kiến.

Lại thấy ngã nghĩa là chấp lấy cái ngã theo nghĩa lớn của thân kẻ khác.

Không khổ là chính thân mình không khởi các khổ.

Cũng rất khổ là các khổ khởi lên từ thân kẻ khác.

Giúp ích chúng sinh không cần đáp ơn là do không mong cầu hi vọng. Vì sao? Vì lợi ích cho mình. Khi các Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh, chính làm lợi ích cho thân mình, không khác, nên không trông cậy bên ngoài. Kệ rằng:

*Tâm tự thoát trên hết,
Họ trời buộc rộng chắc,
Mé khổ không cùng tận,
Siêng trừ khổ như vậy.*

Giải thích: Tự tâm giải thoát là dứt diệt phiền não mà giai vị kiến đạo dứt.

Tối thượng là do sự giải thoát này là thừa tối thượng.

Các trời buộc của chúng sinh là vững chắc, rộng là vì tất cả chúng sinh nối nhau khởi lên phiền não.

Bờ mé của khổ là không cùng tận là do thế giới chúng sinh vô biên như hư không.

Do vậy phải siêng năng dứt trừ khổ của chúng sinh là như vậy, Bồ-tát phải vì chúng sinh mà dứt trừ khổ não bằng cách làm tới cùng, làm xong rồi lại làm nữa, không có thời giờ nghỉ. Kệ rằng:

Khổ mình không tự nhỡ,

*Làm sao chịu khổ người?
Đời này, đời cùng tận,
Trái kia là Bồ-tát.*

Giải thích: Một kiếp sống khổ và cùng tận bờ mé của sinh tử của chúng sinh là không thể nghĩ bàn, về sự khổ ấy, không thể chịu đựng được. Nhưng Bồ-tát vẫn có công năng chịu đựng tất cả khổ, có thể chịu đựng khổ ấy của chúng sinh, cho nên nói trái với việc kia là Bồ-tát. Kệ rằng:

*Thương các người bình đẳng,
Lợi họ không lui sụt,
Ít có không ít có,
Lợi người là lợi mình.*

Giải thích: Thương yêu các người bình đẳng, làm lợi ích chúng sinh không lui sụt là Bồ-tát làm lợi cho tất cả chúng sinh với lòng thương yêu bình đẳng, không chút khác nhau. Hoặc mong cầu sự an vui, lợi ích, hoặc chính mình làm an vui lợi ích, hoặc trong lúc cầu lợi ích thì tâm mong cầu ấy không bao giờ lui sụt.

Ít có không ít có, do lợi ích người là lợi ích mình, nghĩa là do sự không lui sụt này vượt cao hơn hết các việc ít có trên đời này. Nhưng sự ít có này không phải ít có. Vì sao? Vì trong khi chúng sinh được lợi ích thì cũng chính là lúc Bồ-tát được lợi ích. Kệ rằng:

*Địa khác nói tu đạo,
Hai trí siêng tu tập,
Kiến tập vô phân biệt,
Thanh tịnh và chúng sinh.*

Giải thích: Các địa khác là chín địa sau.

Hỏi: Các đại khác tu tập pháp nào?

Đáp: Là hai trí siêng năng tu tập.

Hai trí là:

1. Trí vô phân biệt.
2. Trí như đã kiến tập.

Trí vô phân biệt là trí xuất thế gian, trí như đã lập ra là trí có sau, khi tu tập trong đời.

Hỏi: Hai trí này có công năng gì?

Đáp: Là pháp thanh tịnh đối với chúng sinh.

Trong ấy, trí vô phân biệt là trí thành thực Phật pháp. Đó là công năng của trí này. Trí như đã lập ra là trí thành thực chúng sinh. Đó là công năng của nó, Kệ rằng:

*Tu vị hai Tăng-kỳ,
Sau cùng được thọ chức,
Nhập định Kim cương kia,
Phá hết lối phân biệt.*

Giải thích: Ngồi tu đạo trải qua hai Tăng-kỳ, sau cùng được nhận chức, nghĩa là hai Tăng-kỳ là thứ hai và thứ ba của Đại kiếp A-tăng-kỳ. Tối hậu nghĩa là tu tập rốt ráo. Ở giai vị này, thọ chức làm phương tiện.

Hỏi: Thọ chức rồi, Bồ-tát còn làm những gì nữa?

Đáp: Bồ-tát nhập vào định kim cương kia để phá hết các phân biệt.

Hỏi: Vì ý nghĩa gì mà gọi là định kim cương?

Đáp: Do có công năng phá tan tùy miên phân biệt, cho nên định này lấy kim cương làm dụ, Kệ rằng:

*Chuyển y rốt ráo tịnh,
Thành tựu nhất thiết chủng,
Trụ việc đã làm này,
Chỉ làm lợi chúng sinh.*

Giải thích: Chuyển y rốt ráo thanh tịnh là lìa hẳn tất cả các chướng ngại của phiền não và chướng ngại của trí.

Thành tựu nhất thiết chủng trí là thành tựu, chứng được Nhất thiết chủng trí vì nó là Vô thượng.

Trụ vào đó làm các việc là an trụ ở giai vị này cho đến tận cùng bờ mé sinh tử của chúng sinh mà thị hiện thành đạo và hiện Niết-bàn.

Hỏi: Thực hiện việc này để làm gì?

Đáp: Chỉ vì lợi ích chúng sinh.

Các việc như thế, là nhằm một bề đem lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Từ đây trở xuống, nói về nhân duyên dạy trao pháp Đại thừa được nghĩa lợi lớn. Kệ rằng:

*Mâu-ni tôn khó gặp,
Thường thấy được nghĩa lớn,
Bởi nghe pháp vô đẳng,
Tịnh tín nuôi dưỡng tâm.*

Giải thích: Bài kệ này nói về nhân Bồ-tát được dạy trao pháp Đại thừa thường xuyên thấy Phật trước mắt, thường được nghe giáo pháp không gì sánh bằng. Và thường phát sinh lòng tin hết sức sâu xa trong sạch tràn ngập trong tâm.

Đó là nói về thời gian đầu được nghĩa lợi lớn. Kệ rằng:

*Nếu đối sự dạy trao, Nếu
muốn trụ pháp môn, Như
người cứu nạn nguy,
Phật khuyên cũng như thế.*

Giải thích: Đối với sự dạy trao, như muốn an trụ vào đó là như có các Bồ-tát trong khi được dạy trao, đối với pháp môn của Như lai, tâm muốn lạc trụ ở đó.

Như kẻ cứu vớt nạn nguy hiểm, Phật khuyên cũng như vậy nghĩa là như có kẻ rớt xuống hầm sâu, người có công năng mới túm lấy tóc cột vào bờ cao. Phật khuyên tấn cũng như vậy, là nếu Bồ-tát kia muốn an trụ vào hầm sâu vắng lặng thì Chư Phật, Như lai cũng gắng gương đặt Bồ-tát ấy vào quả vị Phật trên bờ cao.

Bài kệ sau đây nói về chứng đắc nghĩa lợi lớn. Kệ rằng:

*Mắt cực tịnh thế gian,
Giác cao vô phân biệt,
Như mặt trời xuất hiện,
Xua tối, chiếu thế gian.*

Giải thích: Do khi Bồ-tát thành Phật thì bỏ hẳn lại sau lưng tất cả pháp thế gian, cho nên được pháp nhãn rất trong sạch. Lúc ấy được gọi là chứng được sự giác ngộ vượt bậc vô phân biệt, như mặt trời lớn xuất hiện, xua tan bóng tối, chiếu sáng khắp nơi. Đây là nói về thời kì sau cùng được nghĩa lợi lớn.

Đã nói về nghĩa dạy trao pháp Đại thừa như vậy. Kệ là bài kệ tổng kết lại nghĩa trước. Kệ rằng:

*Phật tử khéo nhóm đây,
Thành tựu định rất rộng,
Thường được Phật dạy trao,
Tận cùng biển công đức.*

Giải thích: Nghĩa của Bài kệ này sáng tỏ như lời văn.

Phẩm Thứ 16: NGHIỆP BẠN

Giải thích: Đã nói về việc Như lai dạy trao pháp Đại thừa rồi, nay sẽ nói về Bồ-tát khởi việc làm, lấy phương tiện làm bạn. Kệ rằng:

*Ví như đại địa chủng,
Giữ gìn bốn thứ vật,
Ba thứ nghiệp như vậy,
Xây dựng tất cả thiện.*

Giải thích: Bài kệ này nói về phương tiện cho Bồ-tát chứa nhóm những việc làm.

Như đại địa chủng, giữ chắc bốn thứ vật, là những thứ nào?

1. Biển cả.
 2. Các núi.
 3. Các cỏ cây.
 4. Chúng sinh.
- Đó là bốn vật.

Ba thứ nghiệp như vậy, xây dựng các pháp lành là bốn vật như biển v.v... Là dụ cho tất cả pháp lành. Như vậy, với ba nghiệp, Bồ-tát có công năng gom nhóm về các pháp lành, như bố thí Ba-la-mật và tất cả pháp Bồ-đề phần. Kệ rằng:

*Nghiệp khó làm làm được,
Hiện hình vô lượng kiếp,
Tự tính, thân, miệng, tâm,
Cứu vớt họ không lui.*

Giải thích: Bài kệ này nói về phương tiện của Bồ-tát làm việc cứu giúp kẻ khác.

Nghiệp khó làm, nhưng làm được, hiện hình trong vô lượng kiếp, những việc gì gọi là khó làm? Nghĩa là chúng sinh muốn tu theo Tiểu thừa để xuất ly, điều ấy, Bồ-tát thấy rất khổ. Muốn cho họ đổi tâm qua thừa khác, nên Bồ-tát biến ra nhiều thứ thân, trong vô lượng thế giới, trải vô số kiếp, để nhận làm các việc khó làm trải qua thời gian lâu dài vẫn siêng năng gian khổ.

Tự tính thân, miệng, tâm, cứu vớt chúng sinh không lui sụt là Bồ-tát muốn cứu vớt chúng sinh, siêng năng gian khổ lâu dài dù ở chốn nào, nhưng tự tính của ba nghiệp không hề lui sụt. Kệ rằng:

*Như kẻ sợ bốn hại,
Tự thân ngăn ngừa kỹ,
Bồ-tát sợ Nhị thừa,*

Giữ nghiệp cũng như thế.

Giải thích: Bài kệ này nói về phương tiện giữ gìn nghiệp của Bồ-tát.

Như kẻ sợ bốn thứ hại, tự thân y phải ngăn ngừa rất kỹ, bốn thứ hại là gì?

1. Chất độc.
2. Quân binh, dao gậy.
3. Đồ ăn có chất độc.
4. Kẻ thù.

Đó là bốn thứ hại.

Ngăn ngừa rất kỹ là vì lợi ích cho chính mình.

Bồ-tát sợ Nhị thừa, giữ nghiệp mình cũng như vậy là bốn thứ độc hại dụ cho các phương tiện nghiệp của người Nhị thừa, Bồ-tát lo sợ phương tiện ấy, nên trong chiều sâu của tâm, Bồ-tát giữ thật kỹ tâm Nhị thừa khởi lên. Vì sao? Vì nó cắt đứt hạt giống Đại thừa, gốc lành Đại thừa nếu chưa sinh thì tâm Nhị thừa kia làm cho không sinh khởi được. Còn nếu đã phát sinh thì bị tâm kia diệt đi, và nó còn chướng ngại lớn đối với quả Chư Phật. Kệ rằng:

*Người làm, nghiệp việc làm,
Ba thứ không phân biệt,
Vượt qua biển nghiệp tịnh,
Công đức không bờ mé.*

Giải thích: Bài kệ này nói về phương tiện nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát.

Người làm, nghiệp và việc làm, ba thứ đều vô phân biệt. Ba thứ là gì?

- Tác giả.
- Nghiệp.
- Việc đã làm.
- Đó gọi là ba thứ.

Vô phân biệt vì ba thứ này không thật có. Do vậy, ba thứ này được thanh tịnh. Do ba thứ thanh tịnh nên nghiệp cũng thanh tịnh.

Vượt qua biển nghiệp thanh tịnh, công đức Phật không bờ mé là do đến với nghiệp bờ mé kia. công đức vô biên vì nó không bao giờ cùng tận.

Phẩm Thứ 17: HÓA ĐỘ (Phần 1)

Giải thích: Đã nói phương tiện tạo nghiệp, nghiệp đã nhóm họp các Ba-la-mật. Nay sẽ nói, trước là bài kệ Ưu-đà-na. Kệ rằng:

*Số, tướng, thứ đệ, tên,
Tu tập, sai biệt, nhiếp,
Trị chướng, đức sáng nhau,
Mười nghĩa độ, nên biết.*

Giải thích: Nên biết, sáu Ba-la-mật có mười nghĩa:

1. Chế số.
2. Hiển tướng.
3. Thứ lớp.
4. Giải thích tên gọi.
5. Tu tập.
6. Khác nhau.
7. Thâu nhiếp hành.
8. Trị chướng.
9. Công đức.
10. Soi sáng lẫn nhau.

Trong đây, có sáu bài kệ lập ra sáu pháp Ba-la-mật. Số, chỉ có sáu. Kệ rằng:

*Giúp ống, thân quyến thuộc.
Phát khởi đầu bốn thành.
Thứ năm bất nhiễm hoặc,
Thứ sáu nghiệp không đảo.*

Giải thích: Bài kệ này nói về ba việc gom nhiếp tự lợi, lập Ba-la-mật chỉ có sáu:

1. Tăng tấn.
2. Không ô nhiễm.
3. Không điên đảo. Bốn pháp Ba-la-mật đầu tiên, theo thứ lớp của nó có thể giúp cho bốn việc tăng tiến:
 1. Giúp sinh thành tựu, do bố thí.
 2. Tự thân thành tựu, do giữ giới.
 3. Quyến thuộc thành tựu, do nhẫn nhục. Ai thực hành nhẫn nhục thì được nhiều người yêu mến.
 4. Phát khởi thành tựu là do tinh tấn, tất cả sự nghiệp đều do tinh tấn mà thành tựu.

Thiền Ba-la-mật thứ năm có công năng khiến cho không bị phiền

não nhiễm ô, dẹp bỏ phiền não là sức mạnh này.

Bát-nhã Ba-la-mật thứ sáu khiến cho nghiệp không điên đảo, và biết một cách đúng như thật về tất cả những gì mình đã làm. Kệ rằng:

*Bố thí, và không hại,
Chịu khổ vì lợi người,
Có nhân và tâm trụ,
Giải thoát là tự lợi.*

Giải thích: Bài kệ này nói về gồm hai lợi ích của sáu việc. Thành lập Ba-la-mật chỉ có sáu. Ba việc đầu thuộc về lợi người, lập ba pháp Ba-la-mật trước là giúp phát sinh siêng năng chân chính, theo thứ lớp của nó là:

1. Bố thí cho người.
2. Không làm hại.
3. Chịu đựng người hại là thuộc về tự lợi.

Do ba việc này nên thành lập, ba pháp Ba-la-mật sau, giúp phát sinh siêng năng chân chính. Theo thứ lớp là:

1. Có nhân duyên, dựa vào tinh tấn.
2. Tâm an trụ, tâm không ổn định, khiến cho định lại.
3. Giải thoát là tâm đã định, khiến được giải thoát. Kệ rằng:

*Không thiếu cũng không hại,
Chịu (đựng) bị hại không lui,
Hướng về và khéo nói,
Lợi người tức lợi mình.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sáu việc làm lợi ích cho người, lập ra Ba-la-mật chỉ có sáu. Theo thứ lớp, khi Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật, thì giúp cho các người đồ ăn dùng không để thiếu thốn. Không gây hại cho người, mà còn chịu đựng kẻ khác hại mình. Giúp việc làm của các người khiến họ không lùi sụt. Dùng sức thần thông khiến họ quay về, khéo nói pháp để dứt nghi ngờ của họ. Bồ-tát làm lợi cho người như vậy chính làm lợi cho mình, việc làm cho người chính là việc làm của mình, nhân này mà Bồ-tát chứng Đại Bồ-đề. Kệ rằng:

*Bất nhiễm và rất kính,
Không lùi sụt, có hai,
Cũng hai vô phân biệt,
Gồm đủ nhân Đại thừa.*

Giải thích: Bài kệ này nói về bốn nhân thuộc về Đại thừa, lập Ba-la-mật chỉ có sáu:

1. Không ô nhiễm.

2. Rất tôn kính.
3. Không lui sụt.
4. Vô phân biệt.

Khi Bồ-tát thực hành bố thí thì không tiếc, bất nhiễm của cải. Khi giữ gìn giới cấm thì luôn tỏ lòng tôn kính đối với các học xứ. Khi thực hành nhẫn nhục và tinh tấn thì hai hạnh này không lui bước. Chịu đựng các khổ do chúng sinh, phi chúng sinh gây ra, mà không lui sụt. Lúc tinh tấn tu tập và thực hành điều thiện đã được, không lui bước. Khi thực hành thiền định, Bát-nhã, hai hạnh này vô phân biệt, do nó thuộc về bình đẳng trong Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Bốn nhân trên đây đã xếp vào tất cả nhân của Đại thừa. Kệ rằng:

*Không chấp và, không loạn,
Không xả, cũng tăng tiến,
Tịnh hoặc và chướng trí,
Đều thuộc về đạo này.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sáu đạo lý thuộc về Đại thừa, lập Ba-la-mật có sáu.

Hỏi: Đạo có nghĩa gì?

Đáp: Hễ có phương tiện là có đạo.

Trong đây bố thí Ba-la-mật, đối với của cải mà không mê đắm là đạo, khi bố thí thì đối với cảnh phải xa lìa không để bị mê đắm.

Giữ giới đối với cảnh trần mà không rối loạn là đạo, vì khi cầu thọ giới thì tất cả tâm rối loạn một nơi. Và khi thầy Tỳ-kheo an trụ hộ trì, cầu cảnh giới thì các việc tán loạn không làm lung lay được.

Săn-đề Ba-la-mật đối với các chúng sinh, không buông xả là đạo, do không sinh tâm nhằm chán đối với việc không lợi ích.

Tỳ-lê-da Ba-la-mật, trong việc tu lành làm tăng trưởng là đạo, do siêng năng phát sinh khiến tiến lên mãi.

Thiền Ba-la-mật làm lắng sạch hết các phiền não chướng ngại là đạo.

Bát-nhã Ba-la-mật làm lắng sạch hết các chướng ngại trí tuệ là đạo.

Sáu thứ đạo như vậy bao gồm tất cả đạo của Đại thừa. Kệ rằng:

*Vì xếp vào ba học,
Nói độ có sáu thứ,
Trước ba, hai trước một,
Sau hai, hai, một, ba.*

Giải thích: Bài kệ này nói về là thuộc về ba món tăng thượng học, nên lập Ba-la-mật có sáu. Trong đó, lập ba món Ba-la-mật đầu là xếp vào một giới tăng thượng học đầu. Giới có hai thứ là nhóm và quyền thuộc Thi-la là nhóm, còn đàn và Sằn-đề là quyền thuộc. Vì sao? Vì bố thí cho người xin thì không keo kiệt của cải. Khi giữ đức nhẫn nhục, thì không trả lại khi bị kẻ khác mắng nhiếc, đánh đập. Trong đây, lập ra hai pháp Ba-la-mật sau, theo thứ lớp nó, là gồm trong tâm tuệ, hai tăng thượng học. Trong đó, lập một Ba-la-mật thứ tư. Nên biết, gồm đủ cả ba-tăng thượng học, bởi cả ba học đều lấy tính tấn làm giúp đỡ.

Đã lập ra sáu Ba-la-mật. Kế sẽ nói về hưởng của sáu Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Phân biệt thể sáu độ,
Mỗi độ có bốn tướng,
Trị chướng hợp với trí,
Mãn nguyện thành chúng sinh.*

Giải thích: Các Bồ-tát tu các pháp Ba-la-mật, mỗi pháp đều có bốn tướng:

1. Trị chướng.
2. Hợp trí.
3. Mãn nguyện.
4. Thành thực chúng sinh.

Trị chướng nghĩa là theo thứ lớp, sáu hạnh như hạnh bố thí, v.v... là để đối trị tâm bồn sển, tâm phá giới, tâm giận dữ, tâm biếng nhác, tâm rối loạn, tâm ngu si.

Hợp trí nghĩa là hoàn toàn đi đôi với trí vô phân biệt, do đã thông đạt pháp vô ngã.

Mãn nguyện là theo người xin tiền của mà bố thí cho họ đúng ý muốn của họ. Đối với người cầu giới thì theo ý muốn của họ đem thân miệng ý hộ trì và dạy trao. Còn nhẫn thì đối với kẻ biết ăn năn đem cho họ niềm vui. Còn tinh tấn, đối với người làm nghề nghiệp muốn điều gì thì giúp đỡ cho họ. Còn định đối với người học định tùy theo ý muốn của họ mà dạy pháp. Còn trí tuệ liền những ai có nghi ngờ thì theo ý họ mà dứt nghi ấy.

Thành thực chúng sinh là trước lấy bố thí để dẫn dắt, sau đó dùng pháp ba thừa, theo sự mong muốn mà thành thực cho họ.

Trước là an lập trong giới, sau dùng ba thừa thành thực cũng giống như vậy.

Đã nói về tướng của sáu Ba-la-mật, kế nói thứ lớp của sáu Ba-la-

mật. Kệ rằng:

*Trước sau và trên dưới,
Thô, tế, khởi thứ lớp,
Nói sáu độ như vậy,
Không loạn có ba nhân.*

Giải thích: Theo thứ lớp sáu Ba-la-mật có ba nhân duyên:

1. Trước sau.
2. Trên dưới.
3. Thô tế.

Trước sau nghĩa là theo món trước mà món sau phát sinh. Vì sao? Vì không màng đến của cải, chỉ thọ trì giới luật, từ hạnh trì giới mà sinh nhẫn nhục. Có ba nhẫn nhục, tinh tấn phát sinh. Từ tinh tấn mà thiền định phát sinh. Có thiền định thì giữ được pháp chân thật.

Trên dưới: trước là dưới, sau là trên. Dưới là bố thí, trên là giữ giới, cho đến dưới là thiền định, trên là trí tuệ.

Thô tế: trước là thô, sau là tế. Thô là bố thí, tế là giữ giới, cho đến thô là định, tế là trí tuệ. Thô thì dễ thâm nhập, dễ làm. Tế thì khó thâm nhập khó làm.

Đã nói về thứ lớp sáu pháp Ba-la-mật. Kế sẽ giải thích tên gọi sáu Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Trì nghèo khiến mát mẻ,
Phá giận, và lập thiện.
Giữ tâm, và biết chân,
Là nói nghĩa sáu hạnh.*

Giải thích: Vì có công năng xua đuổi nghèo cùng, nên gọi là thí, cấp cho.

Có công năng khiến cho mát mẻ nên gọi là giới. Vì người giữ giới tròn đầy thì dứt được phiền não, nóng bức trong đời sống.

Có công năng phá tan cơn giận dữ, nên gọi là Nhẫn. Nhẫn làm cho hết giận dữ.

Có công năng xây dựng điều lành nên gọi là Tiến. Xây dựng pháp lành là nhờ sức tinh tấn này.

Có công năng giữ tâm nên gọi là Định, do nó gom giữ ý bên trong.

Có công năng hiểu pháp chân thật, nên gọi là tuệ, do nó hiểu thấu Nghĩa đệ nhất Đế.

Đã giải thích tên gọi sáu pháp Ba-la-mật, kế là nói tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Vật, suy nghĩ và tâm,
Phương tiện và thế lực,
Nên biết, tu sáu hạnh,
Nói có năm chỗ nương.*

Giải thích: Có năm chỗ nương để các Bồ-tát tu sáu pháp Ba-la-mật:

1. Nương vào vật.
2. Nương vào suy nghĩ.
3. Nương vào tâm.
4. Nương vào phương tiện.
5. Nương vào thế lực.

Nương vào vật để tu tập Ba-la-mật, có bốn thứ:

1. Nương vào nhân là nương vào năng lực chủng tánh mà tu tập.
2. Nương vào quả báo là nương vào sức thành tựu của tự thân mà tu tập.
3. Nương vào nguyện là nương vào sức mạnh của nguyện xưa mà tu tập.

4. Nương vào số là nương vào sức mạnh của trí tuệ mà tu tập.

Nương vào suy nghĩ để tu các Ba-la-mật, cũng có bốn thứ:

1. Suy nghĩ mà tin là đối với các Ba-la-mật tương ứng với giáo pháp sinh lòng tin.
2. Suy tư mà biết chất là thấy vị ngon công đức trong các Ba-la-mật.
3. Suy tư tùy hỉ đối với tất cả thế giới, tất cả chúng sinh, tất cả Ba-la-mật, đều sinh tâm vui theo.
4. Suy tư hi vọng là đối với mình và người, ở đời vị lai, tất cả Ba-la-mật, tốt đẹp, đều phát sinh tâm hi vọng.

Nương vào tâm để tu các Ba-la-mật cũng có sáu thứ:

1. Tâm không nhầm chán.
2. Tâm rộng lớn.
3. Tâm vui cao cả.
4. Tâm thắng lợi.
5. Tâm bất nhiễm.
6. Tâm khéo thanh tịnh.

Thế nào là sáu thứ tâm tu tập Bồ-thí? Nếu Bồ-tát đem bảy chất bấu đầy khắp thế giới nhiều như cát sông Hằng và tất cả thân mình mà Bồ-thí cho tất cả chúng sinh trong một giây phút, cứ như vậy, cho đến tận cùng thế giới chúng sinh, với ý nguyện thành thực Bồ-đề Vô thượng

là do pháp môn Ba-la-mật này mà tâm bố thí không nhàm chán. Tướng tâm như vậy, gọi là tâm tu tập bố thí không nhàm chán. Nếu Bồ-tát có tướng bố thí như vậy, từ ban đầu cứ nối tiếp nhau cho đến khi thành Phật, không bị đập tắt hay suy giảm trong giây phút nào, thì tướng tâm ấy gọi là tâm bố thí rộng lớn.

Nếu khi bố thí của cải cho kẻ khác để dẫn dắt họ, mà Bồ-tát cảm thấy rất vui mừng, hơn cả sự vui mừng của người nhận thí tiền của, thì tướng tâm như vậy gọi là tu bố thí với tâm vui cao cả.

Nếu bố thí của cải cho kẻ khác để dẫn dắt họ, thấy người nhận vật cho thì Bồ-tát nghĩ rằng: “Có nhiều lợi ích cho ta” chẳng phải ta tự thọ dụng mà được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì chỉ có bố thí dẫn dắt kẻ khác mới là nhân chính để ta thành tựu Bồ-đề Vô thượng. Tướng tâm như vậy, được gọi là tu bố thí với tâm vui thắng lợi.

Nếu thực hành công hạnh bố thí rộng lớn như vậy, nhưng Bồ-tát không cầu báo đáp, đền ơn, thì tâm như vậy gọi là tu bố thí với tâm bất nhiễm.

Nếu thực hành công hạnh bố thí rộng lớn như vậy, có được phước xếp vào, có được quả báo, nhưng Bồ-tát lại nguyện bố thí những món ấy cho tất cả chúng sinh, chứ không phải để mình thọ hưởng và còn hồi hưởng, cho tất cả chúng sinh, đến quả Bồ-đề Vô thượng. Tướng tâm như vậy, được gọi là tu bố thí với tâm lành trong sạch.

Sao gọi là sáu thứ tâm tu tập giới?

Nếu thân Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng mà mỗi thân ấy, có sự sống lâu dài nhiều như số cát sông Hằng. Trong mỗi đời sống lâu như vậy với bao của cải, rồi lửa lớn đốt cháy hết của cải ấy, lan khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới, Bồ-tát vận dụng nhiều thân, đi qua nhiều tuổi thọ và ở chỗ đồng lửa ấy hiện bốn oai nghi, cứ mỗi sát-na chỉ tu một giới điều, cứ như vậy, cho đến tu hết nhóm giới, cho đến hết cả nhóm trí, có thể chứng Bồ-đề Vô thượng, nhưng tâm tu của Bồ-tát vẫn chưa cho đó là đầy đủ. Tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm không biết đủ, không thỏa mãn.

Nếu Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu giới, cho đến tu trí, cuối cùng ngồi tại đạo tràng, không bao giờ có xen hở thì tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm rộng lớn.

Nếu khi tu giới để dẫn dắt chúng sinh, mà Bồ-tát thấy vui mừng hơn cả nỗi vui mừng của người được Bồ-tát dìu dắt với biết bao lợi ích thì tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm vui mừng cao cả.

Nếu khi tu giới để dẫn dắt kẻ khác, mà Bồ-tát thấy họ được lợi ích

thì đó là điều có lợi cho ta, chứ chẳng phải ta làm các lợi ích này cho mình. Tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm thẳng lợi.

Nếu khi Bồ-tát tu giới, không cầu báo đáp, đền ơn, thì tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm bất nhiễm.

Nếu Bồ-tát tu rộng về giới mà được sinh nhóm phước, được quả báo, thì cũng nguyện thí cho tất cả chúng sinh, chứ không để mình hưởng. Lại cùng tất cả chúng sinh, mà hồi hướng đến Bồ-đề Vô thượng, tướng tâm như vậy, gọi là tu giới với tâm lành trong sạch.

Nương vào phương tiện tu các Ba-la-mật, có ba thứ:

Ba thứ tức là ba thứ thanh tịnh. Sự thanh tịnh này lấy trí vô phân biệt làm phương tiện. Từ phương tiện này, tất cả tác ý đều thành tựu.

Nương vào thế lực để tu các Ba-la-mật, cũng có ba thứ:

1. Thế lực của thân.
2. Thế lực của công hạnh.
3. Thế lực của nói pháp.

Thế lực của thân là, nên biết tự tính thân của Phật và thân thọ dụng.

Thế lực của công hạnh là hóa thân Phật, nên biết. Từ hóa thân này hiện tất cả tướng, vì tất cả chúng sinh, thị hiện tất cả hạnh lành.

Thế lực của nói pháp nghĩa là có công năng giảng nói sáu Ba-la-mật không đuoái lý, bất cứ lúc nào.

